

Khung lý thuyết: Định nghĩa năng lực cạnh tranh và các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh



Phát triển Vùng và Địa phương
MPP6 – Học kỳ Xuân 2014

Nguyễn Xuân Thành



2/10/2014

Năng lực cạnh tranh (competitiveness) là gì?

- Năng lực cạnh tranh (NLCT) là cách thức các nước tạo điều kiện tốt nhất về kinh tế, xã hội và môi trường cho phát triển kinh tế.
- Nó đo lường những gì hình thành nên sự phát triển này, những thứ như chính sách, thể chế và các yếu tố quyết định năng suất.
- Nói đơn giản, nó theo dõi những yếu tố quan trọng giúp một nền kinh tế có năng suất cao và so sánh thành quả của mỗi quốc gia với chuẩn mực quốc tế.

Nguồn gốc của sự thịnh vượng

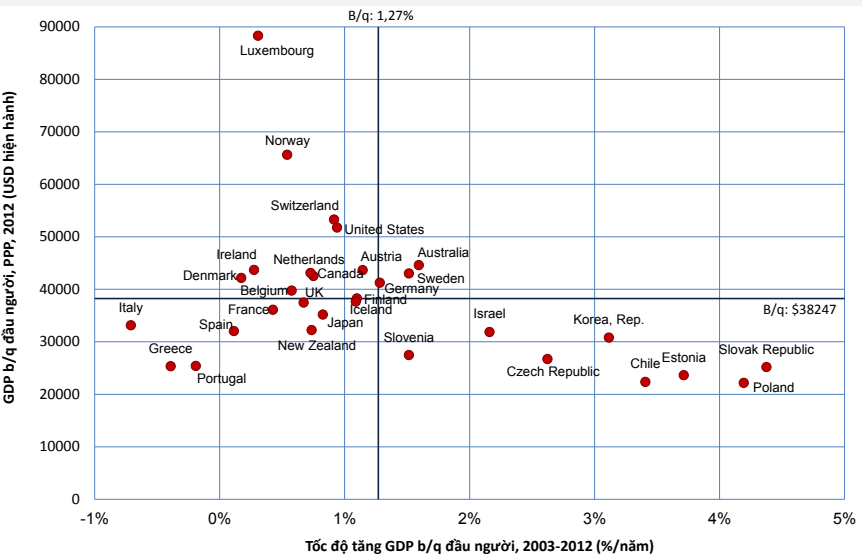
Thịnh vượng được “thừa kế”

- Sự thịnh vượng đến từ nguồn tài nguyên thiên nhiên được thừa kế
- Sự thịnh vượng có hạn
- Vấn đề là chia bánh
- Chính phủ đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế
- Thu nhập từ tài nguyên gây ra tham nhũng và cho phép các chính sách tồi tồn tại

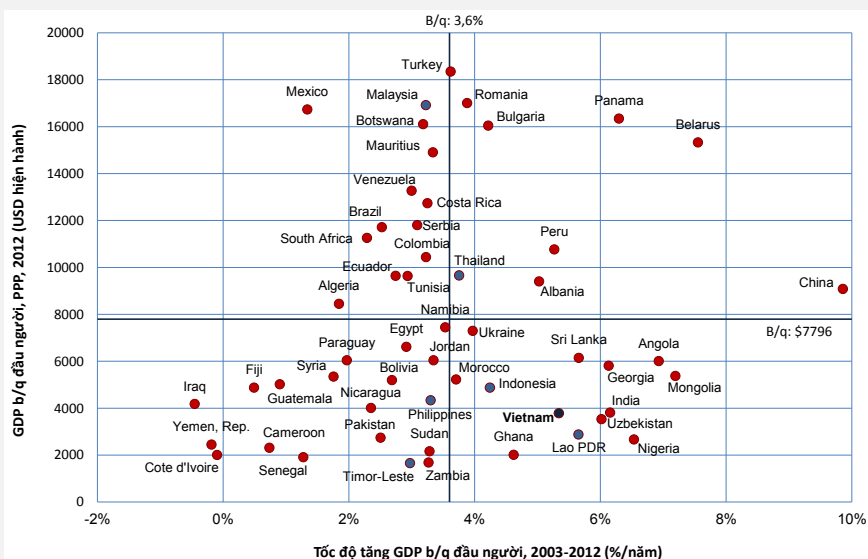
Thịnh vượng được “tạo ra”

- Sự thịnh vượng đến từ năng suất của hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ
- Sự thịnh vượng không giới hạn
- Vấn đề là làm cái bánh lớn lên
- Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế
- Vai trò của chính phủ là hỗ trợ và tạo điều kiện cải thiện năng suất và thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân

Đo lường mức độ thịnh vượng: OECD



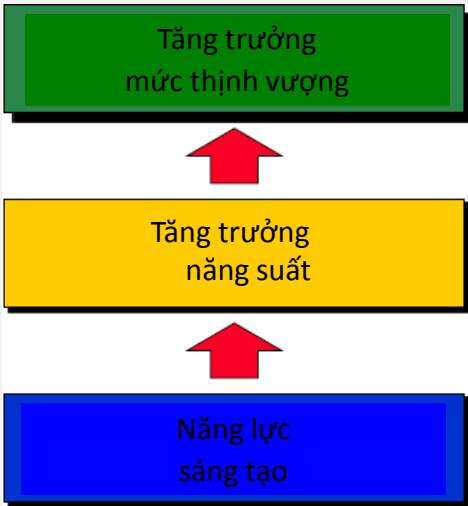
Đo lường mức độ thịnh vượng: TN TB



Năng lực cạnh tranh $\equiv$ Năng suất

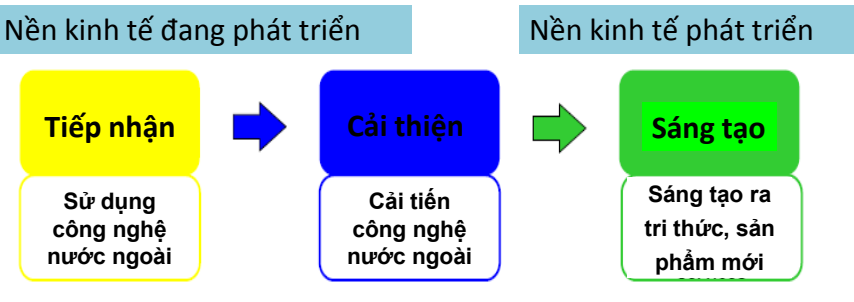
- **Năng lực cạnh tranh** quốc gia được đo lường bằng **năng suất** sử dụng lao động, vốn, và tài nguyên thiên nhiên
 - Năng suất quyết định **mức sống bền vững** (lương, lợi nhuận từ vốn và từ tài nguyên thiên nhiên)
 - **Cạnh tranh như thế nào** (năng suất cạnh tranh) quan trọng hơn là cạnh tranh trong ngành nào
 - Năng suất của một nền kinh tế xuất phát từ sự phối hợp của **cả doanh nghiệp nội địa và nước ngoài**
 - **Năng suất của công nghiệp nội địa** chứ không chỉ của công nghiệp xuất khẩu đóng vai trò cơ bản đối với năng lực cạnh tranh
- Cửa cải và việc làm phụ thuộc vào **NLCT** doanh nghiệp
- Các quốc gia cạnh tranh với nhau trong việc tạo ra **môi trường có năng suất cao nhất** cho doanh nghiệp
- Khu vực công và tư có **vai trò khác nhau nhưng bổ sung** cho nhau trong việc tạo ra một nền kinh tế có năng suất

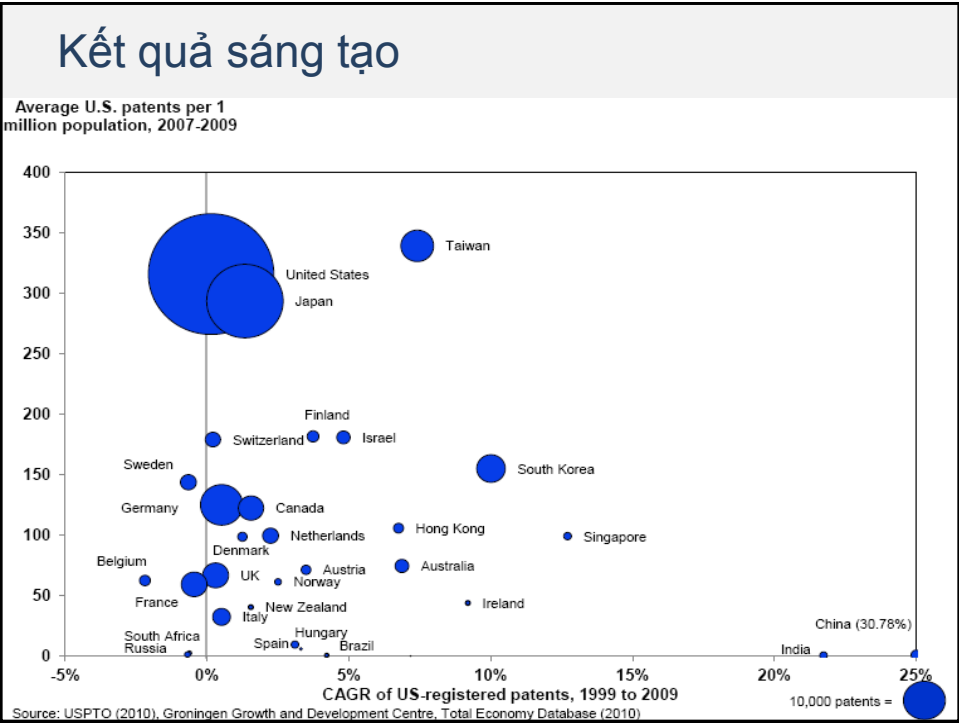
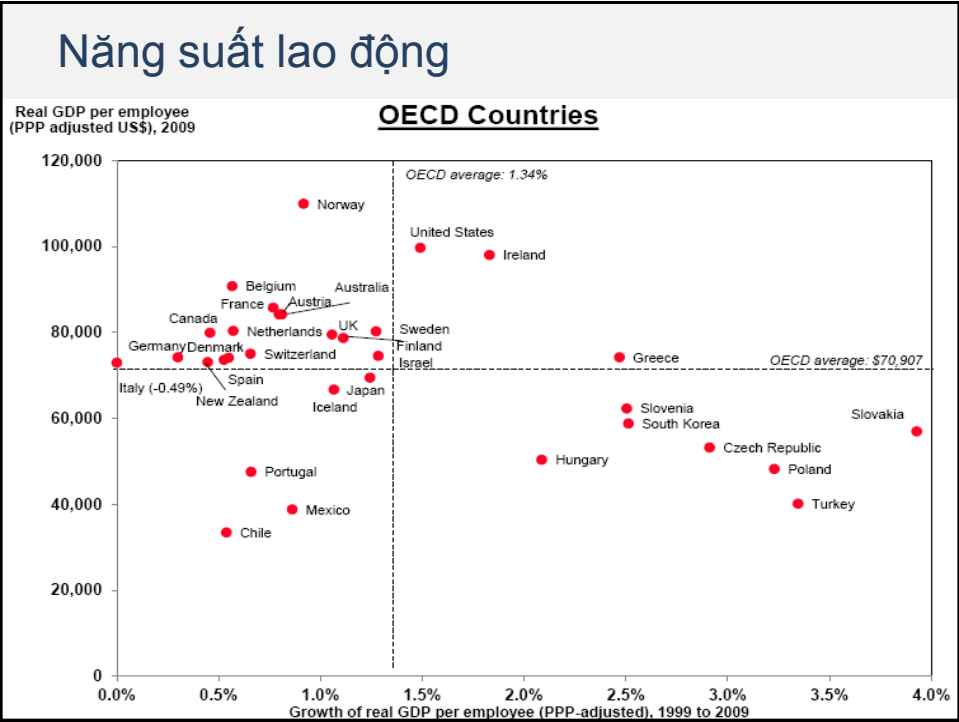
Làm thế nào để tăng mức thịnh vượng?



Cải thiện năng lực cạnh tranh

Chính sách đổi mới sáng tạo





Giới thiệu môn học

- **Nội dung** của môn học là về năng lực cạnh tranh và kinh tế phát triển với cách tiếp cận vi mô từ dưới lên
- **Đối tượng** phân tích chủ yếu là các quốc gia, vùng, địa phương, và các cụm ngành
- **Phương pháp** dạy và học chính của môn học là nghiên cứu tình huống
- **Không phải** là môn kinh tế phát triển truyền thống với cách tiếp cận từ trên xuống (chính sách của chính phủ)
- **Không phải** là môn học về chiến lược của các công ty hay các tập đoàn đa quốc gia

Nội dung môn học

- **Phần 1:** Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh
- **Phần 2:** Địa điểm và cụm ngành
- **Phần 3:** Chuỗi giá trị toàn cầu
- **Phần 4:** Chiến lược phát triển kinh tế vùng và địa phương

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

Năng lực cạnh tranh vi mô

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

Trình độ phát triển cụm ngành

Độ tinh thông trong hoạt động và chiến lược công ty

Năng lực cạnh tranh vĩ mô

Hạ tầng xã hội và thể chế chính trị

Các chính sách kinh tế vĩ mô

Các yếu tố lợi thế tự nhiên

- Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô tạo ra tiềm năng để đạt mức năng suất cao, nhưng **chỉ riêng các yếu tố vĩ mô thì chưa đủ**
- Năng suất còn phụ thuộc vào **năng lực vi mô** của nền kinh tế và **mức độ tinh vi của cạnh tranh trong nước**

Nguồn: VCR 2010

Năng lực cạnh tranh vĩ mô

Hạ tầng xã hội và Thể chế chính trị

- Phát triển con người**
 - Giáo dục cơ bản
 - Hệ thống y tế
- Thể chế chính trị**
 - Tự do chính trị
 - Tiếng nói và trách nhiệm giải trình
 - Ổn định chính trị
 - Hiệu lực của chính phủ
 - Phân cấp
- Pháp quyền**
 - An ninh xã hội
 - Sự độc lập của tư pháp
 - Hiệu quả của khung pháp lý
 - Chi phí tham nhũng cho DN
 - Các quyền dân sự

Chính sách kinh tế vĩ mô

- Chính sách tài khoá**
 - Thu, chi, thặng dư (thâm hụt) ngân sách
 - Nợ công (nợ chính phủ và nợ của doanh nghiệp nhà nước)
 - Nợ nước ngoài
- Chính sách tiền tệ**
 - Cung tiền
 - Tín dụng
 - Lãi suất
 - Tỷ giá
 - Lạm phát
- Chính sách cơ cấu**

Nguồn: VCR 2010

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

Trình độ phát triển cụm ngành

Độ tinh thông về hoạt động và chiến lược công ty

Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô

Hạ tầng xã hội và thể chế chính trị

Các chính sách kinh tế vĩ mô

Các yếu tố lợi thế tự nhiên

Độ tinh thông về hoạt động và chiến lược công ty

- Những kỹ năng, năng lực và thực tiễn quản lý **bên trong** doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp đạt được mức **năng suất** và trình độ **đổi mới sáng tạo** cao nhất có thể

Nguồn: VCR 2010

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

Trình độ phát triển cụm ngành

Độ tinh thông về hoạt động và chiến lược công ty

Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô

Hạ tầng xã hội và thể chế chính trị

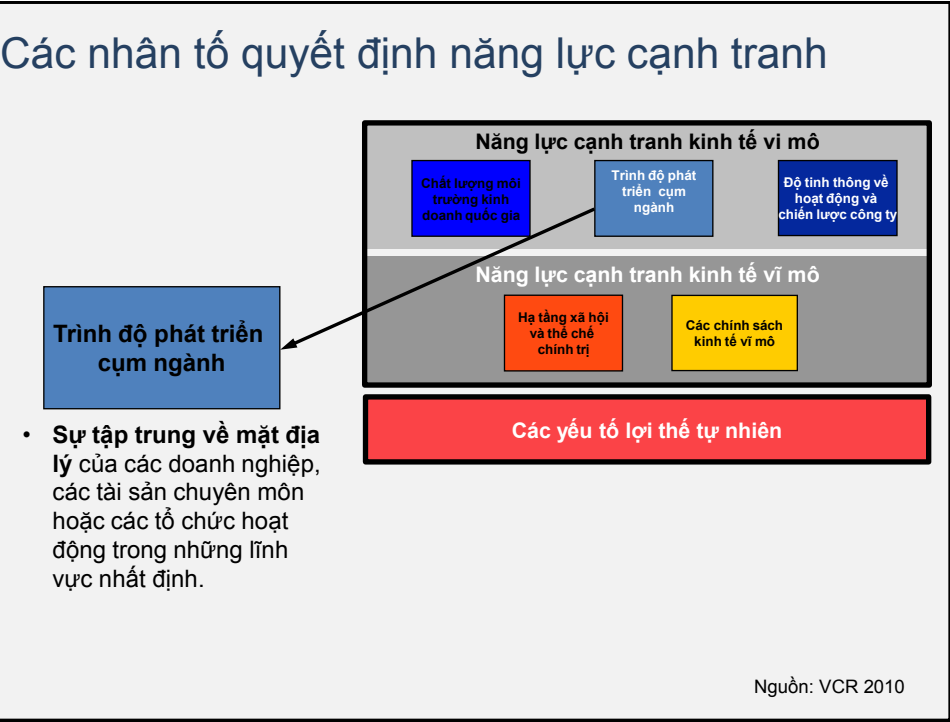
Các chính sách kinh tế vĩ mô

Các yếu tố lợi thế tự nhiên

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

- Các điều kiện của môi trường kinh doanh **bên ngoài** giúp doanh nghiệp đạt được mức **năng suất** và trình độ **đổi mới, sáng tạo** cao hơn

Nguồn: VCR 2010



12 trụ cột của năng lực cạnh tranh

1. Thể chế	<i>Nền kinh tế dựa vào yếu tố đầu vào</i>
2. Cơ sở hạ tầng	
3. Môi trường kinh tế vĩ mô	
4. Y tế và giáo dục phổ thông	
5. Giáo dục và đào tạo đại học	<i>Nền kinh tế dựa vào hiệu quả</i>
6. Hiệu quả thị trường hàng hóa	
7. Hiệu quả thị trường lao động	
8. Phát triển thị trường tài chính	
9. Sẵn sàng về công nghệ	
10. Quy mô thị trường	
11. Mức độ tinh vi của h/đ kinh doanh	<i>Nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo</i>
12. Đổi mới sáng tạo	

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh vùng và địa phương

